

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất ván nhân tạo tổng hợp công suất 100.000 m³/năm tại đường Tôn Đức Thắng, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Kim Tín MDF làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất ván nhân tạo tổng hợp công suất 100.000 m³/năm của Công ty Cổ phần Kim Tín MDF thực hiện tại đường Tôn Đức Thắng, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm kèm Công văn số 1811MDF/CVMT2021 ngày 18/11/2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 805/TTr-STNMT ngày 25/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất ván nhân tạo tổng hợp công suất 100.000 m³/năm (sau đây

gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Kim Tín MDF (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại đường Tôn Đức Thắng, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 04/02/2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất ván nhân tạo tổng hợp – Công ty Cổ phần Kim Tín MDF tại thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Chủ tịch UBND thị trấn Tân Phú, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Kim Tín MDF và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 6;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-86-QĐPD-30/11).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN NHÂN TẠO TỔNG HỢP CÔNG SUẤT
100.000 M³/NĂM TẠI ĐƯỜNG TÔN ĐỨC THẮNG, THỊ TRẤN TÂN PHÚ,
HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC DO CÔNG TY CỔ PHẦN
KIM TÍN MDF LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 3052/QĐ-UBND ngày 04./12./2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất ván nhân tạo tổng hợp công suất 100.000 m³/năm.

1.2. Chủ Dự án: Công ty Cổ phần Kim Tín MDF.

Công ty Cổ phần Kim Tín MDF được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 3800383036 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 16/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 26/12/2019.

Trụ sở chính: Đường Tôn Đức Thắng, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tiến Thuật, chức vụ: Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Đường Tôn Đức Thắng, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô:

Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 218.163,3 m². Quy mô:

- Sản xuất ván MDF công suất 100.000 m³/năm, diện tích sử dụng khoảng 35.383,7 m².

- Xây dựng nhà xưởng, nhà kho cho thuê để sản xuất ván sàn gỗ công nghiệp, đồ nội thất lưu niệm từ nguyên liệu ván nhân tạo tổng hợp do Công ty Cổ phần Kim Tín MDF sản xuất ra trên diện tích đất sử dụng khoảng 69.766,8 m².

- Xây dựng đường giao thông nội bộ, xử lý nước thải, trồng cây xanh trên diện tích còn lại 113.012,76 m².

1.5. Công nghệ của Dự án:

Quy trình sản xuất ván tổng hợp MDF: Củi → Tách vỏ → Băm sàng → Hấp → Nghiền → Phối trộn keo → Sấy → Trãi liệu → Ép sơ bộ, định hình → Cưa biên phối → Ép nóng → Làm nguội, cưa biên ván → Lưu kho bán thành phẩm → Chà thô → Chà tinh → Nhập kho.

Quy trình phối trộn keo UF phục vụ cho hoạt động sản xuất ván tổng hợp MDF của Dự án: Phối trộn 02 nguyên liệu formalin và urea để tạo keo UF, quá trình phối trộn sử dụng thêm chất xúc tác là axic formic và NaOH. Keo UF sau khi phối trộn được đưa vào sợi gỗ được nghiền mịn để tạo hỗn hợp sợi gỗ keo và tiếp tục quy trình sấy, trải liệu.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Nhà xưởng MDF, kho bán thành phẩm MDF, kho thành phẩm, kho bán thành phẩm và kho ure, nhà văn phòng, nhà kho 01, nhà kho 02, nhà kho 6, nhà xưởng 5, nhà xưởng 4, nhà bảo vệ, nhà xe, nhà ăn, nhà vệ sinh, bãi chứa củi, nhà chứa rác (nhà chứa chất thải rắn sinh hoạt, nhà chứa chất thải thông thường, nhà chứa chất thải nguy hại, nhà chứa vỏ cây), hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý nước mưa bãi củi, hồ chứa nước mưa bãi củi, hồ chứa nước mưa tổng toàn Dự án, đường giao thông nội bộ, cây xanh và đất dự phòng... Các công trình xây dựng thêm: Nhà kho 1, nhà kho 2, nhà kho 3, hệ thống xử lý nước mưa bãi củi.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:* Bụi phát sinh từ các hoạt động tập kết, bóc dỡ nguyên vật liệu xây dựng; bụi và khí thải phát sinh do hoạt động phương tiện vận chuyển; bụi, khí thải từ máy móc, thiết bị thi công Dự án; khí thải từ quá trình hàn kim loại; nước thải xây dựng; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông vận chuyển; bụi từ quá trình bóc vỏ, băm, sàng tuyển và bụi tại khu vực bãi chứa; bụi, khí thải phát sinh từ lò dầu; bụi phát sinh từ công đoạn trải liệu, cưa biên phơi, cưa biên ván; bụi phát sinh từ công đoạn chà thô, chà tinh; bụi, khí thải từ quá trình sấy sợi; hơi dung môi và hóa chất phát sinh từ quá trình phối trộn keo, sấy gỗ MDF; bụi, khí thải máy phát điện dự phòng; nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất; nước mưa chảy tràn qua bãi củi; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng phát sinh khoảng 01 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng 17,84 m³/ngày.đêm; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm BOD₅, COD, TSS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho.

2.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng khoảng 16 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm BOD₅, COD, SS, dầu mỡ, tổng nitơ, amoni, tổng photpho, coliform.

- *Nước thải sản xuất*: Gồm nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò dầu khoảng $01 \text{ m}^3/\text{lần xả}$ (định kỳ xả 03 tháng/lần); nước thải từ công đoạn vắt dăm khoảng $19,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$, thành phần ô nhiễm gồm độ màu, TSS, BOD₅, COD, lignin, N tổng, P tổng.

- *Nước mưa chảy tràn từ bãi chứa củi*: Lưu lượng tại thời điểm mưa lớn nhất khoảng $141,09 \text{ m}^3$; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm pH, độ màu, BOD₅, COD, SS, tổng nitơ, tổng photpho, coliform.

- *Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của các đơn vị thuê nhà xưởng, nhà kho*: Việc dự báo và đánh giá tác động do nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của các đơn vị thuê nhà xưởng, nhà kho sẽ được thể hiện chi tiết tại các hồ sơ môi trường của mỗi đơn vị khi đầu tư vào dự án.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Bụi phát sinh từ các hoạt động tập kết, bóc dỡ nguyên vật liệu xây dựng*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng $62,13 \text{ mg/m}^3$.

- *Bụi và khí thải phát sinh do hoạt động của phương tiện vận chuyển*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO, HC.

- *Bụi, khí thải từ máy móc, thiết bị thi công Dự án*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC.

- *Khí thải từ quá trình hàn kim loại*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như NO_x, CO, khói hàn.

2.3.3. Trong giai đoạn hoạt động:

- *Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông vận chuyển*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO, CO₂, HC.

- *Bụi từ quá trình bóc vỏ, băm, sàng tuyển và bụi tại khu vực bãi chứa*: Nồng độ bụi phát sinh từ công đoạn băm dăm khoảng $33,89 \text{ mg/m}^3$.

- *Bụi, khí thải phát sinh từ lò dầu*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, SO₂, CO...

- *Bụi phát sinh từ công đoạn trải liệu, cưa biên phôi, cưa biên ván*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng $13,56 \text{ mg/m}^3$.

- *Bụi phát sinh từ công đoạn chà thô, chà tinh*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng $94,03 \text{ mg/m}^3$.

- *Bụi, khí thải từ quá trình sấy sợi*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, SO₂, CO, HC, formadehyde, NH₃.

- *Hơi dung môi và hóa chất phát sinh từ quá trình phối trộn keo, sấy gỗ MDF*: Nồng độ fomaldehyde phát sinh khoảng 5,64 mg/m³.

- *Bụi, khí thải máy phát điện dự phòng*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, SO₂, CO, VOC.

- *Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các đơn vị thuê nhà xưởng, nhà kho*: Việc dự báo và đánh giá tác động do bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các đơn vị thuê nhà xưởng, nhà kho sẽ được thể hiện chi tiết tại các hồ sơ môi trường của mỗi đơn vị khi đầu tư vào dự án.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Phát sinh khoảng 59,325 tấn trong quá trình xây dựng (06 tháng); chủ yếu là xà bần, gạch vụn, đá thải, bao bì xi măng, sắt thép vụn...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 100,35 kg/ngày; thành phần chủ yếu có chứa 60% – 80% chất hữu cơ và 20% – 40% các chất khác, bao gồm các loại chất khác nhau như rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn, bao ni lông, vỏ lon, thủy tinh...

2.4.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 90 kg/ngày; thành phần bao gồm rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn, bao ni lông, vỏ lon, thủy tinh...

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Phát sinh khoảng 2.309,45 tấn/tháng (tương đương 88,825 tấn/ngày) bao gồm vỏ cây, dăm, bột cưa, bột chà nhám, sợi saw sàng, giấy, thùng gỗ... và tro đốt từ lò dầu tải nhiệt mùn cưa.

- *Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường từ các đơn vị thuê nhà xưởng, nhà kho*: Việc dự báo và đánh giá tác động do chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh từ các đơn vị thuê nhà xưởng, nhà kho sẽ được thể hiện chi tiết tại các hồ sơ môi trường của mỗi đơn vị khi đầu tư vào dự án.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn xây dựng: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 486,67 kg/tháng bao gồm các loại chất thải như giẻ lau dính dầu nhớt, bao bì mềm nhiễm các thành phần nguy hại thải; bao bì mềm nhiễm các thành phần nguy hại thải; bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại thải; dầu nhớt thải; que hàn thải....

2.5.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- *Chất thải nguy hại phát sinh từ Dự án*: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 5.180 kg/năm bao gồm các loại chất thải như bóng đèn huỳnh quang thải;

dầu thủy lực tổng hợp thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; dầu truyền nhiệt cách điện, tổng hợp thải; bao bì thải nhiễm thành phần nguy hại; giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại...

- *Chất thải nguy hại phát sinh từ các đơn vị thuê nhà xưởng, nhà kho:* Việc dự báo và đánh giá tác động do chất thải nguy hại phát sinh từ các đơn vị thuê nhà xưởng, nhà kho sẽ được thể hiện chi tiết tại các hồ sơ môi trường của mỗi đơn vị khi đầu tư vào dự án.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Nước thải xây dựng được thu gom vào hố lắng (hố đất, lót HDPE chống thấm, kích thước 02 m x 01 m x 1,5 m) để lắng cặn. Bụi, cát, đá... có trong nước thải lắng xuống và nước sau lắng được tái sử dụng để trộn bê tông và tưới đường để giảm thiểu bụi.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt được thu gom về 02 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích mỗi bể khoảng 12 m³ đã xây dựng tại Dự án để xử lý sơ bộ trước khi đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung đúng theo quy định. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng trộn bê tông và tưới đường.

3.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn (02 bể, tổng thể tích 24 m³). Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình sản xuất:*

Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn, nước thải từ công đoạn vắt dăm và nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò dầu được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày.đêm với quy trình như sau:

Nước thải đầu vào → Hố thu → Bể điều hòa → Bồn keo tụ → Bồn tạo bông → Thiết bị lắng 1 → Bể trung chuyên → Thiết bị lắng 2 → Bể aerotank → Thiết bị lắng 3 → Bồn trung chuyên 2, 3 → Bồn lọc áp lực → Thiết bị khử mùi than hoạt tính → Thiết bị khử màu H₂O₂ → Bể chứa nước sau xử lý. Nước thải sản xuất xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (k_q = 0,6; k_f = 1,2) dùng để tái sử dụng làm ẩm dăm cho quá trình

sản xuất, phần còn dư được dẫn về hồ chứa nước mưa toàn Dự án và sử dụng cho mục đích tưới cây trong khuôn viên Dự án.

Kích thước công trình hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày.đêm:

STT	Công trình/ thiết bị	Kích thước (m)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
1	Hồ thu	02 x 02 x 02	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
2	Bể điều hòa	04 x 3,8 x 2,5	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
3	Bồn keo tụ	0,6 x 1,5	02	Bồn thép CT3
4	Bồn tạo bông	01 x 1,5	01	Bồn thép CT3
5	Thiết bị lắng 1	01 x 1,306 x 02	02	Bồn thép CT3
6	Bể trung chuyển	04 x 3,8 x 2,5	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
7	Thiết bị lắng 2	01 x 3,2	01	Bồn thép CT3
8	Bể aerotank	4,6 x 04 x 2,5	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
9	Thiết bị lắng 3	1,6 x 1,6 x 03	01	Bồn thép CT3
10	Bồn trung chuyển 2	01 x 1,5	01	Bồn thép CT3
11	Bồn trung chuyển 3	01 x 1,5	01	Bồn thép CT3
12	Bồn lọc áp lực	2,25 x 1,2	01	Bồn thép CT3
13	Thiết bị khử màu than hoạt tính	1,9 x 5,22	01	Bồn thép CT3
14	Thiết bị khử màu H ₂ O ₂	01 x 01 x 4,82	01	Bồn thép CT3
15	Bể chứa bùn	04 x 01 x 0,6	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
16	Bể chứa sau xử lý	03 x 02 x 1,5	01	Bê tông cốt thép, chống thấm

- Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn từ bãi cùi:

Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn từ bãi cùi công suất 300 m³/ngày.đêm với quy trình như sau:

Nước mưa bãi cùi → Lọc rác thô → Hồ chứa nước mưa → Hồ thu → Lọc rác tinh → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung hòa → Bể phản ứng → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Hồ chứa nước mưa toàn bộ Dự án. Nước mưa chảy tràn từ bãi cùi xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ($k_q = 0,6$; $k_f = 1,2$) và QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B1) trước khi sử dụng cho mục đích tưới cây trong khuôn viên Dự án.

Kích thước công trình hệ thống xử lý mưa chảy tràn từ bãi cùi công suất 300 m³/ngày.đêm

STT	Công trình/ thiết bị	Kích thước (m)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
1	Hồ chứa nước mưa	Diện tích: 300 m ² Chiều sâu: 04 m	01	Hồ đất, lót HDPE chống thấm
2	Hồ thu	01 x 01 x 04	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
3	Bể thiếu khí	4,6 x 4,4 x 05	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
4	Bể hiếu khí	12,6 x 4,5 x 05	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
5	Bể lắng sinh học	4,6 x 4,6 x 05	01	Bê tông cốt thép, chống thấm

STT	Công trình/ thiết bị	Kích thước (m)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
6	Bể trung hòa	1,4 x 1,1 x 03	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
7	Bể phản ứng	1,4 x 1,1 x 03	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
8	Bể tạo bông	1,4 x 1,1 x 03	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
9	Bể lắng hóa lý	3,6 x 3,6 x 05	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
10	Bể khử trùng	3,6 x 0,8 x 3,2	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
11	Bể chứa bùn	4,5 x 1,5 x 05	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
12	Hồ chứa nước mưa toàn Dự án	Diện tích: 5.085 m ² Chiều sâu: 04 m	01	Hồ đất, lót HDPE chống thấm

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt phải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Nước thải sản xuất phát sinh từ Dự án phải được thu gom xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ($k_q = 0,6$; $k_f = 1,2$) dùng để tái sử dụng làm ẩm dăm cho quá trình sản xuất và tái sử dụng cho quá trình tưới cây. Nước mưa chảy tràn từ bãi củi phát sinh từ Dự án phải được thu gom xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ($k_q = 0,6$; $k_f = 1,2$) và QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải mặt (cột B1) trước khi sử dụng cho quá trình tưới cây.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải của các phương tiện vận chuyển:* Các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu và xà bần phải được che phủ hợp lý trước khi ra khỏi công trình để tránh phát tán bụi; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; bố trí vận chuyển và thời gian vận chuyển hợp lý; kiểm tra các phương tiện máy móc, thiết bị thi công trước khi đưa vào sử dụng...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ máy móc, thiết bị thi công Dự án:* Bố trí kế hoạch thi công cụ thể; bố trí riêng khu vực tập kết nguyên vật liệu cho Dự án và che phủ bạt kín nhằm giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình bốc dỡ, lưu chứa nguyên vật liệu xây dựng; phun xịt nước tại khu vực sân, khu vực đào nhằm giảm thiểu lượng bụi phát sinh tại khu vực này...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình hàn, sơn:* Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân gồm găng tay, kính, mặt nạ, mũ bảo hộ lao động... theo đúng quy định; sử dụng các máy chà nhám chuyên dụng trong công đoạn chà nhám, đánh bóng tường giảm thiểu tối đa ô nhiễm do bụi phát sinh; sử dụng các loại sơn nước không chứa chì và thủy ngân, có nguồn gốc rõ ràng; che chắn khu vực thi công để hạn chế lượng bụi phát tán vào không khí...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN

03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi phát sinh tại công đoạn trải liệu, cửa biên phối:* Bụi → Chụp hút → Quạt hút → Cyclone thu bụi → Thiết bị lọc bụi túi vải dạng tay áo → Không khí sạch thoát ra môi trường. Bụi sau khi lắng được thu gom dẫn về cyclone 205 để thu hồi, tuần hoàn, tái sử dụng về công đoạn trải liệu. Không khí sạch sau khi ra khỏi thiết bị lọc bụi túi vải dạng tay áo được xả ra môi trường tiếp nhận bằng các lỗ thoát khí.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi phát sinh tại khu vực cửa biên ván, chà thô, chà tinh:* Bụi → Chụp hút → Quạt hút → Cyclone thu bụi → Thiết bị lọc bụi túi vải dạng tay áo → Không khí sạch thoát ra môi trường. Bụi sau khi lắng được thu gom dẫn về cyclone 205 để thu hồi, tuần hoàn, tái sử dụng về công đoạn trải liệu. Không khí sạch sau khi ra khỏi thiết bị lọc bụi túi vải dạng tay áo được xả ra môi trường tiếp nhận bằng các lỗ thoát khí.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận hành lò dầu tải nhiệt:* Bụi, khí thải → Lọc thô → Lọc tinh → Thiết bị xử lý bụi quán tính trên vách ngăn amiăng, gạch chịu nhiệt → Buồng trao đổi nhiệt → Cyclone 205 → Ống khói (chiều cao 41 m, đường kính 1,45 m). Lượng sợi lắng xuống đáy cyclone 205 được thu hồi, tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất cho công đoạn trải liệu.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông vận tải:* Bê tông hóa và thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu, khu vực kho để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất; vệ sinh, quét dọn thường xuyên khuôn viên nhà máy để thu gom bụi; trồng cây xanh trong các khu vực nhà máy, trên các tuyến đường nội bộ và khu bãi nhận nguyên liệu; thường xuyên phun nước tại sân bãi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng:* Bảo dưỡng máy phát điện định kỳ; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; máy phát điện được bố trí trong nhà đặt máy phát điện; lắp đặt ống khói với chiều cao 05 m và đường kính 0,2 m.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi gỗ từ công đoạn bóc vỏ, băm sàng tại khu vực bãi củi:* Lắp đặt hệ thống máng che kín máy bóc vỏ; lắp máng bao quanh phần dưới thân máy cắt để không phát tán bụi; vệ sinh máy móc thiết bị sau mỗi ca hay mỗi ngày làm việc...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình sấy sợi:* Được thu gom về công đoạn buồng trao đổi nhiệt của hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do hơi dung môi và hóa chất phát sinh từ quá trình phối trộn keo, sấy gỗ MDF:* Được thu gom về công đoạn buồng trao đổi nhiệt

của hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ. Môi trường không khí khu vực sản xuất trong giai đoạn vận hành đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Chất thải rắn xây dựng:* Các loại chất thải như đất, đá, cát thải... được tận dụng để san lấp mặt bằng trong quá trình thi công; đối với các loại chất thải rắn khác, Chủ Dự án trang bị các thùng HDPE để thu gom, lưu chứa tại nhà chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 25 m² đã xây dựng và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Chủ Dự án trang bị các thùng chứa rác HDPE có nắp đậy để thu gom về nhà chứa chất thải sinh hoạt diện tích 25 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Chủ Dự án trang bị các thùng chứa rác HDPE có nắp đậy để thu gom về nhà chứa chất thải sinh hoạt diện tích 25 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sản xuất không nguy hại:* Lượng vỏ cây (không chứa thành phần nguy hại) được Chủ Dự án thu gom về nhà chứa có diện tích 511 m² và tận dụng làm củi đốt cấp nhiệt cho lò dầu; các loại chất thải rắn sản xuất không nguy hại, bụi và bùn từ hệ thống xử lý khí thải được Chủ Dự án thu gom về nhà chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 25 m², kết cấu: tường và mái bằng tôn, nền bê tông xi măng. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất thông thường phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào các thùng chứa HDPE, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tạm tại nhà kho chất thải nguy hại với diện tích 50 m² (đã xây dựng), kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô, mái lợp tôn, cửa sắt, có gờ và rãnh thu gom chất thải lỏng tràn đổ; Chủ Dự án định kỳ họp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào các thùng chứa HDPE, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tạm tại nhà kho chất thải nguy hại với diện tích 50 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô, mái lợp tôn, cửa sắt, có gờ và rãnh thu gom chất thải lỏng tràn đổ; Chủ Dự án định kỳ họp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Sử dụng các loại xe chuyên dụng hiện đại, tình trạng hoạt động tốt, ít gây ồn; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý để tránh việc các máy móc gây ồn cùng làm việc sẽ gây nên tác động cộng hưởng; thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện giao thông, đảm bảo đạt tiêu chuẩn về kỹ thuật và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ thống giao thông trong khu vực Dự án:* Điều phối hoạt động chuyên chở một cách hợp lý; nghiêm cấm việc chở quá tải...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Thường xuyên kiểm tra, bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt; không cho các xe nổ máy trong lúc chờ nhận hàng; trồng cây xanh xung quanh Dự án...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt thừa:* Thực hiện các biện pháp thông gió tự nhiên, bố trí quạt thổi mát cục bộ cho những nơi phát sinh nhiều nhiệt; bố trí các chụp hút trên trần mái và quạt để hút hơi ẩm, nhiệt thừa ra khỏi khu vực sản xuất; đảm bảo môi trường lao động, yếu tố vi khí hậu cho công nhân; trồng cây xanh xung quanh Dự án...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do sự cố hóa chất:* Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo các quy định hiện hành; khu vực chứa hóa chất tại vị trí thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời, có mái che chắn; bồn chứa hóa chất luôn phải đóng chặt nắp; bồn chứa hóa chất thường xuyên được bảo trì, bảo dưỡng; công nhân làm việc tại khu vực phát sinh hơi hóa chất phải trang bị đủ các phương tiện để đảm bảo an toàn lao động như nón bảo hộ, quần áo, giày, khẩu trang, bao tay, kính, mặt nạ che mặt...

- *Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy, nổ:* Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy định; định kỳ kiểm tra các thiết bị đảm bảo luôn trong tình trạng an toàn về điện; thực hiện nghiêm ngặt quy định kỹ thuật, an toàn trong quá trình nhập xuất nguyên, nhiên liệu; công nhân vận hành phải được huấn luyện và thực hành đúng thao tác khi có sự cố; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và đào tạo định kỳ về an toàn lao động; thiết lập khoảng cách ly an toàn của kho chứa hóa chất, kho chứa nguyên liệu và sản phẩm gỗ với các công trình khác hoặc khu vực sản xuất; sắp xếp bố trí nguyên vật liệu và hóa chất, keo theo thứ tự, để bảo quản, vận chuyển và sử dụng; xây dựng kho chứa hóa chất đảm bảo được thông gió, mát mẻ, khô ráo tránh ủ nhiệt, ủ ẩm gây hư hỏng hoặc dẫn đến cháy nổ; có phương án phòng cháy chữa cháy...

- *Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải, hệ thống xử lý nước thải:* Thường xuyên kiểm tra hệ thống và bảo dưỡng

định kỳ các hệ thống xử lý; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời làm cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất...

- *Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ nguồn phóng xạ:* Xây dựng các phòng kiểm tra việc sử dụng tia gamma đúng quy định và chỉ vận hành khi được cấp phép hoạt động. Chủ Dự án phải tuân thủ các quy định của pháp luật về nhập khẩu và vận chuyển nguồn phóng xạ từ nhà cung cấp đến nhà máy tại Dự án và các quy định khác của pháp luật về quản lý nguồn phóng xạ; không để phát sinh chất thải phóng xạ trong quá trình sử dụng nguồn phóng xạ Cs-137 phục vụ cho quá trình sản xuất theo quy định. Định kỳ 06 tháng/lần Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để kiểm tra chất lượng môi trường và sức khỏe công nhân làm việc trong môi trường có sử dụng nguồn phóng xạ; lập kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ gửi đến cơ quan có chức năng để được phê duyệt theo đúng quy định hiện hành...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định gồm:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn qua bãi cùi.

- Công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải;
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

Việc xây dựng các công trình bổ sung diễn ra đồng thời với hoạt động sản xuất hiện hữu của Dự án, do đó, việc giám sát các chất thải được thực hiện theo chương trình giám sát đã được phê duyệt.

5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

* *Giám sát môi trường không khí khu vực thi công:*

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.
- *Thông số giám sát:* Tiếng ồn, TSP, SO₂, CO, NO₂.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn hiện hành có liên quan.

* *Giám sát khí thải ống khói:*

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, bụi, SO₂, NO₂, CO, formaldehyde, NH₃.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

5.1.2. Giám sát nước ngầm:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại giếng khoan của Công ty.

- *Thông số giám sát:* pH, độ cứng, TDS, clorua, nitrat, nitrit, amoni, sulfat, sắt, asen, chì, mangan, thủy ngân, e.coli, tổng coliforms và chỉ số pemanganat.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 09:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.1.3. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí sau hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát:* pH, TSS, BOD₅, COD, amoni, tổng photpho, tổng nitơ, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($k_q=0,6$; $k_t=1,2$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.1.4. Giám sát chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ 06 tháng/lần báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định

chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.2.1. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 04 vị trí gồm:

+ 02 vị trí tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày.đêm: 01 vị trí đầu vào tại hố thu và 01 vị trí đầu ra tại bể chứa.

+ 02 vị trí tại hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn qua bãi cùi công suất 300 m³/ngày.đêm: 01 vị trí đầu vào tại hồ chứa nước mưa và 01 vị trí đầu ra tại hồ chứa nước mưa toàn Dự án.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, độ màu, pH, TSS, BOD₅, COD, amoni, tổng photpho, tổng nitơ, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT ($k_q = 0,6$; $k_f = 1,2$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày.đêm); cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ($k_q = 0,6$; $k_f = 1,2$) và QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải mặt (cột B1) (đối với hệ thống xử lý nước mưa từ bãi cùi công suất 300 m³/ngày.đêm).

5.2.2. Giám sát khí thải:

* *Giám sát khí thải tại nguồn:*

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, nhiệt độ, bụi, SO₂, NO₂, CO, formaldehyde, NH₃.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

* *Đối với môi trường không khí tại khu vực sử dụng nguồn phóng xạ:*

Yêu cầu Chủ Dự án thực hiện chương trình giám sát theo đúng yêu cầu tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ, Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

trường và các quy định hiện hành có liên quan (vị trí giám sát: 01 điểm tại xưởng sản xuất MDF).

Chủ Dự án phải thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng nguồn phóng xạ (gửi về Sở Khoa học và công nghệ), báo cáo định kỳ giám sát không khí môi trường lao động (gửi Sở Y tế) và đính kèm các báo cáo này trong hồ sơ Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

5.2.3. Giám sát nước ngầm:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại giếng khoan của Công ty.
- *Thông số giám sát:* pH, độ cứng, TDS, clorua, nitrat, nitrit, amoni, sulfat, sắt, asen, chì, mangan, thủy ngân, e.coli, tổng coliforms và chỉ số pemanganat.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 09:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.2.4. Giám sát chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:

6.1. Chủ Dự án phải thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.2. Chủ Dự án phải trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo diện tích theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt.

6.3. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.



6.4. Chủ Dự án chỉ thực hiện phối trộn nguyên liệu có sẵn để tạo keo UF phục vụ cho sản xuất ván ép của Dự án, không bán ra thị trường; không sản xuất keo UF từ hóa chất cơ bản ban đầu (không được sản xuất ra nguyên liệu để phối trộn keo UF); không được sử dụng các hóa chất nằm trong danh mục bị cấm và hạn chế sử dụng theo quy định của pháp luật.

6.5. Chủ Dự án phải thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 207/UBND ngày 06/8/2020 của UBND thị trấn Tân Phú về việc ý kiến tham vấn về Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất ván nhân tạo tổng hợp – Công ty Cổ phần Kim Tín MDF và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp của Dự án ngày 06/8/2020 tại Hội trường UBND thị trấn Tân Phú. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.6. Trong quá trình thực hiện, nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.7. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập kế hoạch vận hành thử nghiệm và hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.8. Các đơn vị thuê lại nhà xưởng, nhà kho của Dự án phải thực hiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

6.9. Quản lý, sử dụng nguồn phóng xạ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

6.10. Chủ Dự án phải thực hiện các nội dung khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.